

Số: 20/2024/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã,
ngành đào tạo và tuyển dụng công chức cấp xã, tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25
tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 2 năm 2023 của
Chính phủ quy định kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức, viên
chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch
công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 125/TTr-SNV ngày 15
tháng 4 năm 2024; Báo cáo thẩm định số 80/BC-STP ngày 03 tháng 4 năm 2024
của Sở Tư pháp; ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại
Văn bản xin ý kiến số 1644/VP.UBND-TKTH ngày 29 tháng 5 năm 2024 của
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã,
ngành đào tạo và tuyển dụng công chức cấp xã, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và thay thế Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, ngành đào tạo và tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Điều 4 của quy định về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, ngành đào tạo và tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./s

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0-V3, TH4, TH5;
- Lưu: VT, TH2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Tường Huy

QUY ĐỊNH

Về tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã, ngành đào tạo và tuyển dụng công chức cấp xã, tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức cấp xã), ngành đào tạo và tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là công chức cấp xã) tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ cấp xã có các chức vụ sau đây: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam); Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Công chức cấp xã có các chức danh sau đây: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội.

3. Người tham gia dự tuyển công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ tuyển dụng công chức cấp xã, tỉnh Quảng Ninh.

Chương II

TIÊU CHUẨN CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO PHÙ HỢP VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 3. Mục đích xác định tiêu chuẩn và ngành đào tạo

Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức cấp xã và ngành đào tạo phù hợp với từng vị trí việc làm của công chức cấp xã là căn cứ để tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng,

tuyển dụng, thực hiện các chế độ, chính sách hoặc tinh giản biên chế. Cán bộ cấp xã đang giữ chức vụ bầu cử, công chức cấp xã đã tuyển dụng trước khi quy định này có hiệu lực thi hành mà chưa đạt chuẩn thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (gọi tắt là Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ) có hiệu lực thi hành phải đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (*trước ngày 01/8/2028*).

Điều 4. Tiêu chuẩn của cán bộ cấp xã

Tiêu chuẩn chung thực hiện theo quy định tại Điều 7; tiêu chuẩn cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

Điều 5. Tiêu chuẩn của công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn chung của công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 7; tiêu chuẩn cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn chung của công chức Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội thực hiện theo quy định tại Điều 7; tiêu chuẩn cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ. Ngoài tiêu chuẩn nêu trên, đối với công chức Tư pháp - hộ tịch yêu cầu đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

Điều 6. Ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm của công chức cấp xã

1. Ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm của công chức cấp xã căn cứ vào bằng tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

a) Công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, gồm các ngành: Quân sự cơ sở; Đại học trở lên đối với các ngành: Luật, Hành chính. Người tốt nghiệp các ngành: Luật, Hành chính thì yêu cầu có trình độ trung cấp ngành Quân sự cơ sở trở lên.

b) Công chức Văn phòng - thống kê, gồm các ngành: Hành chính, Luật, Nội vụ, Quản trị văn phòng, Hành chính văn phòng, Quản trị nhân lực, Quản lý nguồn nhân lực, Văn thư - lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội, Khoa học quản lý, Quản lý công, Kế toán, Kinh tế, Quản lý kinh tế; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; Chính sách công; Quản lý nhà nước; Quản trị kinh doanh;

c) Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn): Địa chính; Trắc địa; Kỹ thuật trắc địa; Quản lý đất đai; Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Kinh tế xây dựng và quản lý dự án; Giao thông, Kỹ

thuật công trình giao thông; Môi trường; Quản lý tài nguyên và Môi trường; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật môi trường; Kiến trúc; Quy hoạch, Quản lý công trình đô thị; Kỹ thuật hạ tầng đô thị.

d) Công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), gồm các ngành: Địa chính; Trắc địa; Kỹ thuật trắc địa; Quản lý đất đai; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng; Nông nghiệp; Nông học; Trồng trọt; Bảo vệ thực vật; Khuyến nông lâm; Phát triển nông nghiệp nông thôn; Thủy sản và Thủy lợi; Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Kinh tế xây dựng và quản lý dự án; Giao thông, Kỹ thuật công trình giao thông; Môi trường; Quản lý tài nguyên và Môi trường; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật môi trường.

đ) Công chức Tài chính - kế toán, gồm các ngành: Kế toán; Tài chính; Tài chính - ngân hàng; Tài chính công; Kế toán - kiểm toán.

e) Công chức Tư pháp - hộ tịch, gồm: Ngành Luật.

h) Công chức Văn hóa - xã hội:

Lĩnh vực Văn hóa, thông tin, gồm các ngành: Văn hóa; Văn hóa - thông tin; Hệ thống thông tin; Quản lý văn hóa; Quản lý nghệ thuật; Quản lý du lịch; Thể dục thể thao; Quản lý thể dục, thể thao; Báo chí - tuyên truyền; Phát thanh - truyền hình.

Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội, gồm các ngành: Lao động - tiền lương; Quản trị nhân lực; Quản lý nguồn nhân lực; Bảo hiểm; Quan hệ lao động và công đoàn; Kinh tế lao động; Lao động - xã hội; Công tác xã hội; Bảo trợ xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Công tác công đoàn; Chính sách xã hội; Quản lý xã hội; Xã hội học.

2. Đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo gắn đúng với quy định tại khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, thống nhất trước khi tuyển dụng.

3. Công chức cấp xã sau khi được tuyển dụng phải tham gia đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản lý nhà nước, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, tiếng dân tộc thiểu số đối với địa bàn công tác phải sử dụng tiếng dân tộc trong hoạt động công vụ.

Chương III

TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Mục 1

CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, ƯU TIÊN VÀ THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 7. Căn cứ tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (gọi tắt là Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ) cụ thể:

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ ở từng vị trí việc làm và số lượng cán bộ, công chức cấp xã được giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) để tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng. Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền giao và số lượng cán bộ, công chức chưa sử dụng của cấp xã;

b) Số lượng công chức cần tuyển ở từng vị trí việc làm;

c) Số lượng công chức cấp xã thực hiện xét tuyển (nếu có) đối với từng nhóm đối tượng: Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người học chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học; sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng;

d) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển ở từng vị trí công chức cấp xã;

đ) Hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển;

e) Các nội dung khác (nếu có).

3. Kế hoạch tuyển dụng khi xét tuyển đối tượng là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Điều 8. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Cán bộ, công chức; Điều 4 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

b) Đủ 18 tuổi trở lên.

c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng.

d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp.

đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

a) Không cư trú tại Việt Nam.

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích;

đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định các điều kiện khác quy định tại điểm g khoản 1 Điều này bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn ở từng vị trí việc làm cần tuyển, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện cho ý kiến trước khi đăng ký nhu cầu tuyển dụng.

4. Công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Quy định này còn phải trong diện quy hoạch chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

5. Kể từ ngày 01/8/2024, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ tuyển dụng công chức cấp xã bằng hình thức thi tuyển đối với người đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức theo quy định tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

Điều 9. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

Điều 10. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức việc tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo phòng Nội vụ;
- c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức phòng Nội vụ;
- d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

2. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có), Ban kiểm tra sát hạch khi tổ chức thực hiện phỏng vấn tại vòng 2. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập Tổ thư ký giúp việc;

b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định;

c) Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo theo quy chế;

d) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển;

e) Hội đồng tuyển dụng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không bố trí người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển hoặc của bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng; các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng; nội quy, quy chế tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới đó.

5. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng tuyển dụng.

Mục 2**THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ****Điều 11. Hình thức, nội dung và thời gian thi tuyển công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

Thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Trường hợp chưa có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy. Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

b) Nội dung thi gồm 3 phần, thời gian thi như sau:

Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ và các kiến thức khác để đánh giá năng lực. Thời gian thi 60 phút;

Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định. Thời gian thi 30 phút;

Phần III: Tin học, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã. Thời gian thi 30 phút.

c) Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã dự tuyển;

Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

d) Miễn phần thi tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

đ) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm b khoản này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

e) Người đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào theo quy định của Chính phủ về kiểm định chất lượng đầu vào công chức mà tham gia thi tuyển công chức cấp xã thì không phải thực hiện thi vòng 1.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Căn cứ tính chất, đặc điểm và yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định một trong ba hình thức thi: Phỏng vấn; viết; kết hợp phỏng vấn và viết.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí công chức cấp xã yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển.

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh có không quá 15 phút chuẩn bị); thi viết 180 phút (không kể thời gian chép đề). Trường hợp lựa chọn hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì thời gian thi phỏng vấn và thời gian thi viết được thực hiện theo quy định tại điểm này.

d) Thang điểm (thi phỏng vấn, thi viết): 100 điểm. Trường hợp lựa chọn hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì tỷ lệ điểm phỏng vấn và viết do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định nhưng phải bảo đảm có tổng là 100 điểm.

3. Kể từ ngày 01/8/2024, Ủy ban nhân dân cấp huyện không tổ chức thi tuyển vòng 1 theo khoản 1 Điều này.

Điều 12. Xác định người trúng tuyển

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên. Trường hợp thi kết hợp phỏng vấn và viết thì người dự thi phải dự thi đủ phỏng vấn và viết;

b) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 9 Quy định này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí công chức của từng xã, phường, thị trấn có nhu cầu tuyển dụng.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí công chức cấp xã cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Mục 3**XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ****Điều 13. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Việc tuyển dụng công chức thông qua hình thức xét tuyển do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau đây:

a) Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học;

c) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

2. Việc tuyển dụng đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

3. Đối với công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện xét tuyển người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và Điều 8 Quy định này và thực hiện bổ nhiệm theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 14. Nội dung và hình thức xét tuyển công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

Xét tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng 2

a) Phỏng vấn để kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển;

b) Thời gian phỏng vấn 30 phút (thí sinh có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi phỏng vấn);

c) Thang điểm: 100 điểm.

Điều 15. Xác định người trúng tuyển

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
 - b) Có kết quả điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 9 Quy định này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí công chức cấp xã.
2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí công chức cấp xã cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.
3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Mục 4

TRÌNH TỰ TỔ CHỨC THI TUYỂN, XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 16. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã

1. Căn cứ số lượng cán bộ, công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền giao, số lượng chưa sử dụng, yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã và số lượng công chức cần tuyển ở từng vị trí việc làm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện nhu cầu và vị trí tuyển dụng công chức cấp xã.
2. Phòng Nội vụ cấp huyện tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn, gửi Sở Nội vụ thẩm định.
3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tuyển dụng (nếu có), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định ban hành kế hoạch kèm nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã và tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 17. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: Báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký tuyển dụng công chức.
2. Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm:
 - a) Số lượng công chức cấp xã cần tuyển ứng với từng vị trí công chức cấp xã;
 - b) Số lượng vị trí công chức cấp xã thực hiện thi tuyển, xét tuyển;

- c) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển;
- d) Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại di động hoặc cố định của cá nhân, bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển;
- đ) Hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển; thời gian và địa điểm thi tuyển, xét tuyển.

3. Việc thay đổi nội dung thông báo tuyển dụng chỉ được thực hiện trước khi khai mạc kỳ tuyển dụng và phải công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ) tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 18. Trình tự tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

2. Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng gửi thông báo bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ đã đăng ký.

3. Tổ chức thi tuyển:

a) Hội đồng tuyển dụng thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tổ chức thi vòng 1.

b) Tổ chức thi vòng 1:

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

Trường hợp tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.

Căn cứ điều kiện thực tiễn quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

c) Tổ chức thi vòng 2:

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tổ chức thi vòng 2.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 2 bằng hình thức thi viết hoặc hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì việc chấm thi viết và chấm phúc khảo thi viết thực hiện như quy định tại điểm b khoản này. Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn.

4. Tổ chức xét tuyển:

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự phỏng vấn tại vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 phải tổ chức phỏng vấn tại vòng 2. Không thực hiện phúc khảo kết quả phỏng vấn tại vòng 2.

5. Kể từ ngày 01/8/2024, Ủy ban nhân dân cấp huyện không tổ chức thi tuyển vòng 1 theo điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 19. Thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2 theo quy định tại Điều 18 Quy định này, chậm nhất 05 ngày làm việc, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

Điều 20. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

Điều 21. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận công tác

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng và gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện đồng ý gia hạn.

3. Trường hợp người được tuyển dụng không đến nhận việc trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển

dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Quy định này hoặc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề mà bằng nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định này (đối với thi tuyển) hoặc quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định này (đối với xét tuyển).

Mục 5

TẬP SỰ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 22. Chế độ tập sự đối với công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí công chức cấp xã được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự được quy định như sau:

a) 12 tháng đối với công chức được tuyển dụng có trình độ đại học trở lên;

b) 06 tháng đối với công chức được tuyển dụng có trình độ dưới đại học. Không thực hiện chế độ tập sự đối với công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

c) Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự. Trường hợp người tập sự nghỉ ốm đau hoặc có lý do chính đáng dưới 14 ngày mà được cơ quan, đơn vị nơi người được tuyển dụng vào công chức đang thực hiện chế độ tập sự đồng ý thì thời gian này được tính vào thời gian tập sự.

3. Nội dung tập sự:

a) Nắm vững quy định của pháp luật về công chức; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan công tác và chức trách, nhiệm vụ của vị trí được tuyển dụng;

b) Trau dồi kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí được tuyển dụng;

c) Tập giải quyết, thực hiện các công việc của vị trí được tuyển dụng.

4. Trong thời gian thực hiện chế độ tập sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cử người thực hiện chế độ tập sự tham gia bồi dưỡng trình độ quản lý nhà nước để hoàn thiện tiêu chuẩn, điều kiện theo vị trí việc làm. Thời gian tham gia bồi dưỡng được tính vào thời gian tập sự.

5. Không thực hiện chế độ tập sự đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của công chức được tuyển dụng quy định tại khoản 2 Điều này. Đối với các trường hợp không thực hiện chế độ tập sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cử tham gia bồi dưỡng trình độ quản lý nhà nước để hoàn thiện tiêu chuẩn, điều kiện theo vị trí việc làm.

6. Không điều động, bố trí, phân công công tác đối với người được tuyển dụng đang trong thời gian thực hiện chế độ tập sự sang vị trí công chức cấp xã khác vị trí được tuyển dụng ở trong cùng cơ quan, tổ chức hoặc sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.

Điều 23. Hướng dẫn tập sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

Cơ quan sử dụng công chức cấp xã có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn người tập sự nắm vững và tập làm những công việc theo yêu cầu nội dung tập sự quy định tại khoản 3 Điều 22 Quy định này.

2. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày công chức đến nhận việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cử công chức có cùng trình độ đào tạo hoặc cao hơn, có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự.

Điều 24. Công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương công chức cấp xã được tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 22 Quy định này; người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự bằng văn bản. Các văn bản này được gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của người tập sự và nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn tập sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức cấp xã được tuyển dụng.

Điều 25. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng trong trường hợp người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định bằng văn bản hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 6

TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 26. Đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ, cụ thể:

1. Viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập;
2. Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu nhưng không phải là công chức;
3. Người thôi giữ chức vụ cán bộ ở cấp xã (trừ hình thức kỷ luật bãi nhiệm);
4. Người đã từng là cán bộ, công chức (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã) sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.

Điều 27. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận, hồ sơ người được đề nghị tiếp nhận và Hội đồng kiểm tra, sát hạch

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận:

Căn cứ yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận vào làm công chức đối với các trường hợp quy định tại Điều 27 Quy định này nếu đáp ứng đủ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức, không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

Phải có đủ 05 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác nếu có trước đó ở vị trí công việc thuộc các trường hợp quy định tại Điều 27 Quy định này) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm của công chức cấp xã cần tuyển;

Người đã từng là cán bộ, công chức (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã) sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển, tiếp nhận giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ và không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được điều động, luân chuyển, tiếp nhận đến; khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

2. Hồ sơ đề nghị tiếp nhận:

a) Sơ yếu lý lịch công chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ, có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi công tác;

b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển;

c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ;

d) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi công tác.

3. Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

a) Khi tiếp nhận các trường hợp quy định tại Điều 27 Quy định này vào làm công chức cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Thành phần Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Quy định này.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

- Kiểm tra về tiêu chuẩn, điều kiện, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của người được đề nghị tiếp nhận theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển;

- Tổ chức sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận;

Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả kiểm tra, sát hạch.

c) Nội dung sát hạch phải căn cứ vào yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển. Hình thức sát hạch là phỏng vấn hoặc viết hoặc kết hợp phỏng vấn và viết. Hội đồng kiểm tra, sát hạch có trách nhiệm xây dựng nội dung sát hạch, đề xuất hình thức và cách thức xác định kết quả sát hạch, bảo đảm phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của từng công chức cấp xã cần tuyển, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch.

d) Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch đã biểu quyết. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

đ) Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc của bên vợ (chồng); vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người được tiếp nhận vào làm công chức cấp xã hoặc người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

4. Trường hợp Thông tư, Văn bản hướng dẫn mới ban hành khác với Quy định này thì thực hiện theo quy định của Thông tư, Văn bản hướng dẫn đó.

Điều 28. Quy trình tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển, xét tuyển

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, gửi Sở Nội vụ thẩm định về các trường hợp đề nghị tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển.
2. Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.
3. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tổ chức kiểm tra, sát hạch đối với người được đề nghị tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển.
4. Hội đồng kiểm tra, sát hạch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả kiểm tra, sát hạch.
5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch.
6. Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi Sở Nội vụ đề nghị xếp lương người đạt kết quả kiểm tra, sát hạch;
7. Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã; tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng đối với từng chức danh công chức về quản lý nhà nước, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, tiếng dân tộc thiểu số (đối với địa bàn công tác phải dụng tiếng dân tộc thiểu số trong hoạt động công vụ).

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã;
2. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và Quy chế này;
3. Hàng năm, rà soát, đăng ký cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo hướng dẫn và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trực tiếp quản lý và sử dụng công chức cấp xã;

2. Hàng năm, tổ chức rà soát việc sử dụng đội ngũ công chức cấp xã và đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng theo quy định.

3. Rà soát, lập kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để cử cán bộ, công chức cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định.

Điều 32. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành

1. Việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã phải đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về cán bộ, công chức, điều lệ tổ chức và quy định của Đảng, của tổ chức chính trị - xã hội trung ương có liên quan. Khi các quy định pháp luật chuyên ngành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

2. Khi Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thì các điều, khoản dẫn chiếu áp dụng Nghị định này được thực hiện theo Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó đối với việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã,

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bảo đảm phù hợp./.